TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-PT
Ngày 06/7/2023
V/v "*Tranh chấp thừa kế tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Thực.

Các thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Tăng.

Ông Trương Quang Tú.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc "*Tranh chấp thừa kế tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1954; trú tại: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng L, sinh năm 1972; địa chỉ: Đội 10, Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H, theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2021.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1950. Trú tại: Đội 8, Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H.

2.2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1954. Trú tại: Đội 9, Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Trần Thị Mai H, sinh năm 1979. Trú tại: thôn N, xã M, huyện K, tỉnh H.

3.2. Chị Trần Thị Vân A, sinh năm 1977. Trú tại: Số nhà 40, tổ 11B, phường S, thành phố B, tỉnh B.

3.3. Anh Trần Hải N, sinh năm 1981. Địa chỉ: p.808, OCT5 B – Khu đô thị RESCO - P. Cổ Nhuế 2, quận B, Hà Nội.

3.4. Anh Trần Văn B, sinh năm 1983; HKTT: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H; nơi ở hiện nay: Khu tập thể May & Đay, phường A, thành phố H, tỉnh H.

3.5. Chị Trần Thị Hương C, sinh năm 1992. Trú tại: Số nhà 108, phường Đ, thành phố B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Anh Trần Văn B, Chị Trần Thị Mai H, Anh Trần Hải N, Chị Trần Thị Hương C, Chị Trần Thị Vân A: Ông Nguyễn Văn Ph – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Phúc Khánh, Đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên.

3.6. Bà Trần Thị Th1, sinh năm 1939. Địa chỉ: Đội 10 Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H. Bà Th1 ủy quyền cho anh Đào Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Đội 10, Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H tham gia tố tụng trong vụ án này theo văn bản ủy quyền đề ngày 20/4/2022.

3.7. Bà Trần Thị Th2, sinh năm 1940. Địa chỉ: 116/703 đường T, phường H, thành phố N, tỉnh N.

3.8. Bà Trần Thị D, sinh năm 1958. Địa chỉ: số 2 Hoàng Hoa T, phường T, quận T, thành phố Hà.

3.9. Anh Đào Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Đội 10, Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H.

3.10. Chị Lê Thị Hồng L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Đội 10, Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H.

4. Những người làm chứng:

- Ông Chu Hồng Ph, sinh năm 1942.
- Bà Trần Thị L, sinh năm 1959.
- Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1977.
- Anh Trần Văn S, sinh năm 1979.
- Chị Trần Thị Th, sinh năm 1983.
- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1954.
- Ông Bùi Văn H, sinh năm 1958.
- Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1978.
- Ông Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1966.
- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958.
- Anh Chu Văn A, sinh năm 1963.
- Ông Đặng Văn S, sinh năm 1960.

Đều trú tại: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H.

- Anh Nguyễn Văn Tiếp, sinh năm 1982; trú tại: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh H.

5. Người kháng cáo: Anh Trần Văn B, Chị Trần Thị Mai H, Anh Trần Hải N, Chị Trần Thị Hương C, Chị Trần Thị Vân A.

(Có mặt Chị Lê Thị Hồng L, Anh Đào Văn T, luật sư Nguyễn Văn Ph; vắng mặt những người còn lại)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vợ chồng cụ Trần Văn X (mất ngày 13/5/1999) và cụ Nguyễn Thị B (mất ngày 2/7/2008) có 7 người con đẻ là: Bà Trần Thị Th1, sinh năm 1939, Bà Trần Thị Th2, sinh năm 1940, Ông Trần Văn Ph, hy sinh năm 1968 chưa có vợ con, Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1950, Ông Trần Văn H, sinh năm 1954, Bà Trần Thị D, sinh năm 1954, Bà Trần Thị D. Hai cụ không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Năm 1993, cụ X và cụ B được chia khoảng hơn 01 sào ruộng đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn gia đình liệt sỹ tại đội 9 Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H. Năm 2003, khi thôn đội có nhu cầu xây dựng nhà văn hóa nên đã thỏa thuận đổi cho gia đình ông lấy diện tích 3 sào (1080m^2) ở ngoài cánh đồng. Việc thôn đội đổi diện tích đất 1080m^2 lấy diện tích đất 360m^2 tiêu chuẩn ruộng liệt sĩ cho bố mẹ ông có lập biên bản dưới hình thức giao nhận khoán thầu và ghi tên ông bà L Huy nhưng thực chất là đổi ngang. Cùng thời điểm đó, Ban kiến thiết thôn đã bán cho vợ ông là bà An Thị L 03 sào ruộng nằm kế bên cạnh 03 sào ruộng đã đổi cho mẹ ông. Việc bà L mua 3 sào ruộng của thôn đội thì ông không được biết do lúc đó ông không có mặt ở địa phương. Sau đó, bà L đã bán toàn bộ 3 sào ruộng trên cho các hộ dân trong thôn đội. Bà L bán cho ai, cụ thể như thế nào thì ông không nắm được. Theo bản đồ địa chính hiện nay thì diện tích đất 1080m^2 do thôn đội đổi cho mẹ ông được thể hiện là thửa số 404, TBĐ số 24, bản đồ địa chính xã Phú Th. Do ông là con trai trưởng nên mẹ ông đã giao mảnh đất đó cho ông để trông nom, quản lý. Trong quá trình quản lý, ông đã trồng 90 cây nhãn (mua của anh Âu với giá 100.000 đồng/cây), xây tường bao, khoan giếng, làm cửa ra vào, …tổng chi phí hết khoảng 90.000.000 đồng. Sau khi mẹ ông qua đời không để lại di chúc mà chỉ tuyên bố miệng cho ông diện tích đất đó. Quá trình UBND xã kê khai, lập bản đồ đều đứng tên ông là chủ sử dụng, với diện tích 969m^2. Thời gian gần đây, anh chị em trong gia đình họp và đồng ý bán mảnh đất trên lấy tiền sửa chữa nhà cửa, thờ tự tổ tiên và chia cho mỗi người một phần, phần còn lại giao cho ông. Ông đã đứng tên ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nông nghiệp trên cho Chị Lê Thị Hồng L và Anh Đào Văn T (con dâu và con trai Bà Trần Thị Th1) với giá 700.000.000 đồng. Ông đã chia cho Bà Th1, Bà Th1, Bà D mỗi người 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, Bà Trần Thị Ng và Trần Thị D thay đổi ý kiến không đồng ý nhận số tiền này mà đòi chia đất. Hai người đã cho người chặt phá cây cối, hoa màu của ông trên đất. Vì vậy, ông và Chị L, Anh T thống nhất thỏa thuận chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông đã trả lại toàn bộ số tiền đã nhận của Chị L, Anh T. Đến nay, giữa hai bên không có tranh chấp gì về hợp đồng. Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia di sản của bố mẹ ông đối với thửa đất số 404, TBĐ số 24, bản đồ địa chính xã Phú Thịnh, diện tích đo đạc theo hiện trạng là 1026,7m^2 cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Phần

thừa kế của ông được hưởng, ông xin nhận bằng hiện vật. Tại phiên tòa, ông có quan điểm nhường kỷ phần thừa kế của ông được hưởng cho Bà Trần Thị Th1. Đối với số cây trồng và tài sản của ông trên đất, ông đề nghị những người được hưởng thừa kế phải thanh toán trả ông bằng giá trị. Tại phiên tòa, ông tự nguyện không yêu cầu Bà Th1, Bà Th1, Bà D phải thanh toán trả giá trị tài sản của ông trên phần đất thừa kế được phân chia. Đối với số tiền ông đã đưa cho Bà Th1, Bà Th1, Bà D thì ông sẽ tự giải quyết với nhau mà không đề nghị gì trong vụ án này.

**Bị đơn Bà Trần Thị Dvà Trần Thị Nguyên* nhất trí với nội dung lời khai của nguyên đơn về mối quan hệ gia đình, về thời điểm chết của cụ X và cụ B, về hàng thừa kế, về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích nông nghiệp tại thửa số 404, TBĐ số 24 xã Phú Th do cụ X, cụ B để lại, về việc hai cụ mất không để lại di chúc. Do Ông H đã tự ý chuyển nhượng thửa đất cho Chị L, Anh T với giá 700.000.000 đồng nên các bà không nhất trí mà đề nghị phân chia bằng hiện vật theo quy định pháp luật. Đối với số cây nhãn trồng trên thửa đất, ban đầu, các bà đều xác định là do tất cả anh chị em trong gia đình và các con Ông H cùng tập trung trồng trọt, chăm sóc. Cây nhãn giống do anh Chu Văn Âu là người thuê ruộng để lại để trừ vào tiền thuê ruộng. Ông H chỉ xây tường bao trên đất. Sau đó các bà thay đổi quan điểm xác định cây trồng và tường bao là tài sản của Ông H. Nếu được chia thừa kế bằng đất thì các bà không chấp nhận thanh toán trả giá trị tài sản cho Ông H mà đề nghị Ông H phải tự di dời số cây cối và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Bà Trần Thị Th1, Trần Thị Th, Trần Thị D có lời khai thống nhất với Ông H về mối quan hệ gia đình, về thời điểm chết của cụ X và cụ B, về hàng thừa kế, về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích nông nghiệp tại thửa số 404, TBĐ số 24 xã Phú Thịnh do cụ X, cụ B để lại, về việc hai cụ mất không để lại di chúc.

Các bà xác định thửa đất số 404, TBĐ số 24, diện tích đo đạc thực tế là 1026,7m^2 là di sản thừa kế của cụ X, cụ B. Đối với cây trồng và công trình xây dựng trên đất là tài sản của Ông H. Việc Ông H đã chuyển nhượng thửa đất cho Chị L, Anh T và chia cho các bà mỗi người 20.000.000 đồng là có thật. Đến nay, Ông H xác định đã chấm dứt hợp đồng, hoàn trả lại số tiền đã nhận cho Anh T, Chị L và đề nghị chia thừa kế thửa đất số 404, TBĐ số 24 thôn Phú Thịnh thì các bà cũng nhất trí. Đối với số tiền 20.000.000 đồng do Ông H chia cho thì các bà có quan điểm sẽ tự giải quyết với Ông H. Bà Th1, Bà D có quan điểm nhường kỷ phần thừa kế được hưởng cho Bà Trần Thị Th1. Bà Th1 đề nghị được hưởng suất thừa kế của mình và của Bà Th1, Bà D, Ông H bằng hiện vật.

- Chị Lê Thị Hồng L và Anh Đào Văn T xác định có việc Ông H và anh chị lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên với giá 700.000.000 đồng. Tuy nhiên do Bà Ng và Bà Dkhông nhất trí bán nữa nên anh chị và Ông H đã tự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng nêu trên, Ông H đã trả lại anh chị toàn bộ số tiền đã nhận và

đến nay hai bên không còn tranh chấp gì về hợp đồng này. Đối với 70 cây Lát anh chị trồng trên diện tích đất đang có tranh chấp thì anh chị sẽ tự nguyện di dời và không có yêu cầu đề nghị gì đối với các đồng thừa kế.

- Anh Trần Văn B (con trai Ông H, bà L) có quan điểm xác định hiện anh đang lưu giữ một văn bản có tiêu đề "Biên bản giao nhận khoán đất thầu" đề ngày 05/4/2003 có nội dung Ban kiến thiết đội 9, xã Phú Th giao khoán thầu cho bố mẹ anh là bà An Thị L và Ông Trần Văn H. Theo văn bản này thì diện tích đất 1080m^2 tại thửa số 404, TBĐ số 24 là tài sản chung của bà L và Ông H, không phải là di sản thừa kế của cụ X, cụ B. Nếu tòa án xác minh và có căn cứ xác định diện tích đất này có nguồn gốc là do thôn đội đổi thửa ruộng của ông bà nội anh để xây nhà văn hóa thì anh cũng không có ý kiến gì. Anh chỉ đề nghị tòa án xác minh làm rõ nguồn gốc thửa đất mà không đưa ra yêu cầu độc lập gì đối với nguyên đơn và bị đơn.

- Chị Trần Thị Hương C và Chị Trần Thị Vân A, Anh Trần Hải N (các con của Ông H, bà L) có quan điểm xác định thửa đất số 404, TBĐ số 24 không phải di sản thừa kế của cụ X, cụ B mà là do mẹ của các chị là bà An Thị L (mất năm 2003) mua của thôn đội bằng tiền riêng trong thời kỳ hôn nhân với Ông H. Các anh chị không nhất trí yêu cầu khởi kiện của Ông H nên không đưa ra yêu cầu độc lập gì.

- Chị Trần Thị Mai H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt để tòa án lấy lời khai. Tòa án đã gửi công văn yêu cầu chị trình bày quan điểm ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ông H nhưng không nhận được ý kiến phản hồi của Chị H.

** Người làm chứng trình bày:*

- Ông Nguyễn Văn Ba, nguyên trưởng thôn P, xã Phú Th giai đoạn 1999-2006; ông Nguyễn Ngọc Tr, ông Nguyễn Văn Đ đại diện Ban kiến thiết đội 9 năm 2003 có lời khai xác định do cụ X và cụ B có con trai là Ông Trần Văn Ph là liệt sĩ nên được chia ruộng tiêu chuẩn bố mẹ liệt sĩ, diện tích 486m^2 thuộc thửa đất số 491, TBĐ số 08. Sau đó, gia đình bà L đã bán một phần 134m^2 cho bà Đào Thị Nhàn. Năm 2003, đội sản xuất số 9 xã Phú Thịnh nay là thôn Phú Cường có nhu cầu xây nhà văn hóa tại vị trí diện tích đất chia theo tiêu chuẩn liệt sĩ của cụ X, cụ B trong làng nên đã thỏa thuận đổi cho gia đình lấy 3 sào ruộng ngoài đồng. Lúc đó, cụ X đã mất, cụ B yếu, sống cùng con dâu là bà An Thị L và các cháu, Ông H đi công tác xa nên đại diện thôn và Ban kiến thiết đã thỏa thuận trực tiếp với bà L về việc đổi ruộng. Việc đổi ruộng là đổi ngang, gia đình không phải trả thêm bất cứ khoản tiền hoặc tài sản nào khác. Do khi đó, thửa ruộng thôn đội đang quản lý có tổng diện tích là 6 sào nên thôn đội đã thỏa thuận giao khoán cho bà L Ông H diện tích 03 sào còn lại với giá 30.000.000 đồng. Việc giao khoán này được thể hiện bằng biên bản giao nhận khoán thầu đề ngày 22/1/2003, ký ngày 5/4/2003 giữa đại diện Ban kiến thiết thôn và bà An Thị L. Khi còn sống, bà L đã bán 03

sào ruộng nhận khoán thầu của thôn đội cho người khác. Nay chỉ còn lại 03 sào thôn đội đã đổi cho gia đình cụ X, Bơ để lấy đất xây nhà văn hóa. Và đây chính là thửa đất hiện đang có tranh chấp thừa kế giữa Ông H và các chị em. Về số cây trồng trên đất là do bố con Ông H trồng, không phải di sản thừa kế.

- Ông Chu Hồng Ph– Nguyên bí thư chi bộ đội 9, thôn P xác nhận nội dung: Đội 9 đã thỏa thuận đổi 03 sào ruộng do đội quản lý ngoài đồng lấy diện tích đất tiêu chuẩn liệt sĩ của cụ X cụ B nằm ở giữa làng, hai mặt tiền để làm nhà văn hóa thôn. Ngoài ra, thôn đội còn cho ông bà L Huy thầu diện tích 03 sào đất nông nghiệp nằm liền kề với 03 sào đất đội đã đổi cho gia đình cụ X, cụ B với giá 30.000.000 đồng.

- Ông Đặng Văn Sáng, nguyên trưởng thôn P giai đoạn 1993- 1999 xác nhận: Năm 1993, cụ X, cụ B có con trai là Ông Trần Văn Ph, hy sinh năm 1968 nên 2 cụ được chia tiêu chuẩn liệt sĩ vào vị trí thửa đất màu do HTX quản lý, diện tích được chia là khoảng 486m^2, thuộc thửa số 491, TBĐ số 08 xã Phú Thịnh. Theo quy định của thôn đội lúc đó chỉ có thân nhân liệt sĩ mới được nhận ruộng ưu tiên tại vị trí giữa làng. Còn các nhân khẩu khác phải nhận ruộng trong đồng. Việc chia ruộng năm 1993 thì không còn sổ sách giấy tờ gì. Quá trình sử dụng thì thôn đội đã thỏa thuận với gia đình cụ B đổi 03 sào ruộng ngoài đồng lấy diện tích đất tiêu chuẩn liệt sĩ của hai cụ ở giữa làng để xây nhà văn hóa thôn.

- Anh Trần Văn Svà Chị Trần Thị Th xác định năm 2003 có nhận chuyển nhượng diện tích đất 1,5 sào tại đội 10 thôn Phú Cường của bà L với giá 18.000.000 đồng. Sau đó, anh chị đã chuyển nhượng lại cho Bà Trần Thị L 0,5 miếng và Bà L đã xây nhà sinh sống tại đây.

- Anh Chu Văn Âu xác định, năm 2009 anh được Ông H thuê trồng nhãn và chăm sóc cây vườn cho Ông H tại thửa vườn khoảng 3 sào ở đội 10 thôn Phú Cường, xã P. Anh là người cung cấp 90 cây nhãn giống và là người trồng thuê cho Ông H. Ông H đã thanh toán cho anh số tiền 9.000.000 đồng. Anh không nhận được tiền nong gì từ các chị em của Ông H và các con Ông H.

Kết quả xác minh với Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh về nguồn gốc diện tích thửa đất 404, TBĐ số 24 đang có tranh chấp được biết: Năm 1993, cụ Trần Văn X và Nguyễn Thị Bơ được chia ruộng tiêu chuẩn theo Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy Hải Hưng. Do gia đình cụ X, cụ B là gia đình liệt sĩ (con là Trần Văn Phát hy sinh năm 1968) nên được chia tiêu chuẩn ruộng vào thửa đất màu do HTX quản lý. Lúc đó, theo bản đồ 299 xã Phú Thịnh thì thửa đất màu do HTX quản lý là thửa số 491, TBĐ số 08, diện tích 3040m2, loại đất M (màu). Cụ X, cụ B được cắt chia 486m^2 trong thửa đất 491 nêu trên.

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 2000 xã Phú Thịnh thì diện tích đất tiêu chuẩn của cụ X, cụ B được đo vẽ là thửa đất số 149, TBĐ số 08, diện tích 486m^2, loại đất T, tên kê khai là An Thị L. Lý do bà L đứng tên kê khai diện tích đất trên là do bà L sống cùng hộ với cụ B. Do cụ B già yếu nên bà L trực tiếp canh tác đã

đứng tên kê khai. UBND xã không nhận được đơn từ hoặc văn bản chuyển quyền của cụ B, cụ X cho bà L. Quá trình sử dụng, bà L đã chuyển nhượng một phần thửa đất có diện tích 134m^2 cho bà Đào Thị Nh. Phần diện tích 352m^2 còn lại gia đình bà L và cụ B tiếp tục sử dụng. Năm 2003, do đội 9 xã P nay là thôn P có nhu cầu xây dựng nhà văn hóa thôn tại vị trí diện tích đất 352m^2 của cụ X, cụ B nên đã thỏa thuận đổi cho gia đình đến vị trí thửa đất số 404, TBĐ số 24, diện tích 969m^2, loại đất BKH. Cùng thời điểm đó, thôn đội đã cho bà An Thị L khoán thầu 03 sào ruộng ngay cạnh diện tích đất 03 sào mà thôn đội đã đổi lấy ruộng của gia đình cụ B, với giá khoán thầu là 30.000.000 đồng. Việc giao khoán được lập thành biên bản giao nhận khoán thầu giữa ban kiến thiết đội 9 thôn Phú Cường với ông bà L Huy đề ngày 5/4/2003, diện tích đất nhận thầu là 03 sào chẵn. Việc đổi ruộng giữa thôn đội và gia đình cụ X, Bơ cũng như việc giao khoán thầu với bà An Thị L không thông qua UBND xã nên UBND không có giấy tờ lưu trữ về việc này. Trong quá trình sử dụng diện tích đất khoán thầu của thôn đội thì bà L đã nhượng lại số ruộng này cho một số người khác. Những người đang đứng tên kê khai sử dụng diện tích đất trước đây bà L Huy được giao khoán thầu gồm ông Nguyễn Văn Tiếp, ông Đỗ Văn Hà, Bà Trần Thị L, ông Trần Văn Sáng. Hiện nay chỉ còn lại số ruộng mà thôn đội đã đổi lấy ruộng của cụ B, cụ X để xây nhà văn hóa và cũng chính là thửa đất hiện có tranh chấp thừa kế giữa Ông H và các chị em của ông.

Theo bản đồ và sổ mục kê lập theo dự án VLAP 2015 xã Phú Thịnh thể hiện thửa đất số 404, TBĐ số 24, diện tích 969m^2, loại đất BKH đứng tên chủ sử dụng hộ Ông Trần Văn H. Diện tích đo đạc theo hiện trạng là 1026,7m^2. Hiện gia đình Ông H đã xây tường bao xung quanh và không có tranh chấp với các hộ xung quanh. Phần diện tích đất chênh lệch có thể do sai số khi đo đạc. Lý do ghi tên chủ sử dụng hộ Ông Trần Văn H là do sai sót trong quá trình kê khai, bởi vì thửa đất số 404, TBĐ số 24 có nguồn gốc là thửa đất nông nghiệp được chia theo tiêu chuẩn liệt sĩ cho cụ B và cụ X, không phải thửa đất nông nghiệp được chia theo tiêu chuẩn cho hộ gia đình Ông H. Do năm 2008, UBND xã Phú Thịnh thực hiện dự án đo đạc, lập bản đồ địa chính cấp, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 27 xã, thị trấn trên địa bàn hai huyện Kim Động và Ân Thi. Thời điểm này, cụ X, cụ B đều đã chết nên Ông H là con đã đến kê khai nên mới có sự sai sót trên.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, kết quả như sau:

Thửa đất số 404, TBĐ số 24, diện tích đất thể hiện trên bản đồ địa chính là 969m^2, loại đất BHK; diện tích đo đạc theo hiện trạng sử dụng là 1026,7m^2. Giá trị quyền sử dụng đất là 90.000 đồng/m^2. Trên đất có các tài sản gồm tường ba vanh bao xung quanh, diện tích 233,01m^2 trị giá 46.602.000 đồng; 01 cổng sắt trị giá 513.000 đồng; 06 cây nhãn đường kính 13cm trị giá 22.500.000 đồng; 14 cây nhãn

đường kính 15cm trị giá 52.500.000 đồng; 19 cây nhãn đường kính 20cm trị giá 71.250.000 đồng; 06 cây nhãn đường kính 25cm, trị giá 22.500.000 đồng; chuối nhỏ: 30.000 đồng/cây; chuối to 60.0000 đồng/cây; giếng khoan 1.655.000 đồng/giếng; 70 cây lát trị giá 6.300.000 đồng. Ngoài ra, còn một số cây nhãn đã bị cắt cành, cưa sát gốc nên không định giá.

Tại bản án số 08/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của TAND huyện Kim Động quyết định:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của Ông Trần Văn H; xác định thửa đất số 404, TBĐ số 24, bản đồ địa chính xã Phú Thịnh, loại đất BHK, diện tích đo đạc thực tế là 1026,7m^2, trị giá 92.403.000 đồng là di sản thừa kế của cụ Trần Văn X và Nguyễn Thị Bơ để lại tại Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H; hiện do Ông Trần Văn H kê khai đứng tên trên hồ sơ địa chính xã Phú Thịnh.

1.2. Những người được hưởng thừa kế di sản của cụ Trần Văn X, Nguyễn Thị Bơ gồm: Bà Trần Thị Th1, Bà Trần Thị Th2, Bà Trần Thị Ng, Ông Trần Văn H, Bà Trần Thị Dvà Bà Trần Thị D.

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Trần Thị Th2, Trần Thị D, Ông Trần Văn H nhường lại kỷ phần thừa kế được hưởng cho Bà Trần Thị Th1. Bà Th1 được hưởng 04 suất thừa kế tổng trị giá 61.602.000 đồng.

1.4. Phân chia và giao cho Bà Trần Thị Ng được nhận và quản lý sử dụng phần diện tích đất thuộc thửa số 404, TBĐ số 24, bản đồ VLAP xã Phú Thịnh, diện tích 171,11m^2, trị giá 15.399.900 đồng. Có tứ cận: phía Bắc giáp đất ông Vũ Đình Tập dài 4,64m; phía Nam giáp đường bê tông dài 4,64m; phía Đông giáp ông Nguyễn Khắc Thêu dài 36,94m; phía Tây giáp phần đất phân chia cho Bà Trần Thị Ddài 36,94m (Hình A,B,C,D,A trên sơ đồ phân chia).

Giao cho Bà Ng được quản lý, sử dụng đoạn tường bavanh diện tích 83,20m^2 do Ông H xây dựng. Bà Ng phải có trách nhiệm thanh toán trả Ông H giá trị tài sản là 16.640.000 đồng (Mười sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Ông H phải có trách nhiệm di dời toàn bộ số cây trồng trên phần đất phân chia cho Bà Ng gồm: 02 cây nhãn đường kính 20cm, 06 cây nhãn đường kính 15cm, 03 cây nhãn đường kính 13cm.

1.5. Phân chia và giao cho Bà Trần Thị Dđược nhận và quản lý sử dụng phần diện tích đất thuộc thửa số 04, TBĐ số 24, bản đồ VLAP xã Phú Thịnh, diện tích 171,11m^2, trị giá 15.399.900 đồng. Có tứ cận: phía Bắc giáp đất ông Vũ Đình Tập dài 4,64m; phía Nam giáp đường bê tông dài 4,64m; phía Đông giáp phần đất phân chia cho Bà Ng dài 36,90m; phía Tây giáp phần đất phân chia cho Bà Trần Thị Th dài 36,97m (Hình C,D,E,F,D trên sơ đồ phân chia).

Giao cho Bà Dđược quản lý, sử dụng đoạn tường ba vanh diện tích 16,70m^2 do Ông H xây dựng. Bà Dcó trách nhiệm thanh toán trả Ông H giá trị tài sản là 3.340.000 đồng (Ba triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Ông H có trách nhiệm di

dời toàn bộ số cây trồng trên phần đất phân chia cho Bà Dgồm: 04 cây nhãn đường kính 20cm, 04 cây nhãn đường kính 15cm, 02 cây nhãn đường kính 25cm, 01 cây nhãn bị cắt cành đường kính 10cm.

1.6. Phân chia và giao cho Bà Trần Thị Thđược nhận và quản lý sử dụng phần diện tích đất thuộc thửa số 404, TBĐ số 24, bản đồ VLAP xã Phú Thịnh, diện tích 684,48m^2, trị giá 61.603.200đồng. Có tứ cận: phía Bắc giáp đất ông Vũ Đình Tập dài 19,43m; phía Nam giáp đường bê tông dài 17,80m; phía Đông giáp phần đất phân chia cho Bà Ddài 36,87m; phía Tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn Tiếp dài 36,72m (Hình E,F,G,H,E trên sơ đồ phân chia).

Giao cho Bà Th1 được quản lý, sử dụng số cây trồng và tài sản do Ông H trồng và xây dựng trên đất gồm: 12 cây nhãn bị cắt cành đường kính 20cm, 09 cây nhãn bị cắt cành đường kính 15cm, 02 cây nhãn bị cắt cành, đường kính 10cm; 01 cây nhãn đường kính 13cm, 04 cây nhãn đường kính 15cm, 13 cây nhãn đường kính 20cm; 04 cây nhãn đường kính 25cm; tường ba vanh cao 1,8m, dài 73,95m, diện tích 133,11m^2; 01 cổng sắt cao 2,0m, diện tích 3,0m^2; 01 giếng khoan. Chấp nhận sự tự nguyện của Ông H không yêu cầu Bà Th1 phải thanh toán trả giá trị số tài sản này.

Chấp nhận sự tự nguyện của Chị Lê Thị Hồng L và Anh Đào Văn T tự di dời toàn bộ số cây Lát trồng trên phần đất phân chia và giao cho các đồng thừa kế.

(Tứ cận, hình thể, diện tích đất, tài sản được phân chia và giao cho các đương sự có sơ đồ cụ thể kèm theo bản án).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; nghĩa vụ nếu chậm trả; quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Anh Trần Văn B, Chị Trần Thị Mai Hcó đơn kháng cáo đề ngày 21/10/2022; Anh Trần Hải N, Chị Trần Thị Hương C, Chị Trần Thị Vân A có đơn kháng cáo đề ngày 17/10/2022. Nội dung kháng cáo: Các anh chị đều cho rằng, bản án sơ thẩm xác định thửa đất số 404, tờ bản đồ số 24, diện tích thực tế 1026,7m^2 tại Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H là di sản thừa kế của cụ Trần Văn X và cụ Nguyễn Thị B là không đúng. Thửa đất trên là tài sản chung của bố mẹ các anh chị là Ông Trần Văn H và bà An Thị L. Bản án sơ thẩm không xem xét đến phần di sản của bà An Thị L, làm mất đi quyền hưởng di sản thừa kế của các anh chị từ thửa đất mà bà L để lại. Vì vậy đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án số 08/2022/DS – ST ngày 23/9/2022 của Tòa án huyện Kim Động.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Luật sư Phúc là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Anh Trần Văn B, Chị Trần Thị Mai H, Anh Trần Hải N, Chị Trần Thị Hương C, Chị Trần Thị Vân A đề nghị giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Chị Lê Thị Hồng L, Anh Đào Văn T là đại diện theo ủy quyền của Ông Trần Văn H và Bà Trần Thị Thđề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng cơ bản đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Song cũng có đương sự không chấp hành quy định theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Anh Trần Hải N; không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Anh B, Chị H, Chị C, Chị VA; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của Anh Trần Văn B, Chị Trần Thị Mai H, Anh Trần Hải N, Chị Trần Thị Hương C và Chị Trần Thị Vân A được làm trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Trần Văn H, bị đơn Bà Trần Thị Ng vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời có mặt đại diện theo ủy quyền là Chị Lê Thị Hồng L và Anh Đào Văn T.

Các Bà Trần Thị D, Trần Thị Th, Trần Thị D, Anh Trần Hải Nvắng mặt nhưng đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Anh Trần Văn B, Chị Trần Thị Mai H, Chị Trần Thị Hương C, Chị Trần Thị Vân A vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

Xem xét kháng cáo của Anh Trần Văn B, Chị Trần Thị Mai H, Anh Trần Hải N, Chị Trần Thị Hương C và Chị Trần Thị Vân A thì thấy:

[2.1]. Đối với kháng cáo của Anh Trần Hải N. Xét thấy Anh N kháng cáo nhưng không có mặt cho dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do vậy theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Anh Trần Hải N.

[2.2]. Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp số 404, tờ bản đồ số 24, loại đất BHK, diện tích trên bản đồ 969m^2 (diện tích đo đạc thực tế là 1026,7m^2) tại Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh H.

Theo lời khai của những người làm chứng gồm ông Nguyễn Văn Ba, nguyên trưởng thôn Phú Cường, xã Phú Thịnh giai đoạn 1999 - 2006; ông Nguyễn Ngọc Trình, ông Nguyễn Văn Đống- đại diện Ban kiến thiết đội 9 năm 2003, Ông Chu Hồng Ph, nguyên Bí thư chi bộ đội 9 thôn Phú Cường; ông Bùi Văn Hoa, Trưởng thôn Phú Cường và anh Trần Văn Chung, Phó thôn Phú Cường; ông Đặng

Văn Sáng, nguyên trưởng thôn Phú Cường giai đoạn 1993 - 1999, biên bản xác minh tại UBND xã Phú Thịnh và lời khai của nguyên đơn, bị đơn đều thể hiện:

Năm 1993, cụ Trần Văn X và Nguyễn Thị Bơ được chia ruộng tiêu chuẩn theo Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy Hải Hưng. Do cụ X, cụ B là gia đình thân nhân liệt sĩ (con trai hai cụ là Ông Trần Văn Ph hy sinh năm 1968) nên hai cụ được chia tiêu chuẩn ruộng vào thửa đất màu do HTX quản lý thuộc thửa số 491, TBĐ số 08, có tổng diện tích 3040m^2, loại đất M (màu). Hai cụ X, Bơ được cắt chia 486m^2 trong thửa đất 491 nêu trên.

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 2000: Diện tích đất tiêu chuẩn 486m^2 trong thửa đất 491 của cụ X, cụ B được đo vẽ lại là thửa đất số 149, TBĐ số 08, diện tích 486m^2, loại đất T, tên kê khai là An Thị Loan (vợ Ông H). Lý do bà L đứng tên kê khai diện tích đất trên là do cụ B già yếu và bà L là người trực tiếp canh tác nên đã đứng tên kê khai. UBND xã Phú Thịnh không nhận được đơn từ hoặc văn bản chuyển quyền của cụ B, cụ X cho bà L. Đối với thửa đất số 149, bà L đã chuyển nhượng 134m^2 cho bà Đào Thị Nhàn. Phần diện tích 352m^2 còn lại gia đình bà L và cụ B tiếp tục sử dụng.

Về việc chuyển đổi diện tích đất 352m^2 của thửa số 149: Năm 2003, đội 9 xã Phú Thịnh nay là thôn Phú Cường có nhu cầu xây dựng nhà văn hóa thôn tại vị trí diện tích đất 352m^2 của cụ X, cụ B nên đã thỏa thuận đổi cho gia đình đến vị trí thửa đất số 404, TBĐ số 24, diện tích 969m^2, loại đất BKH. Vì vậy, thửa đất số 149 tách thành hai thửa sau: thửa số 55, diện tích 134m^2 đứng tên bà Đào Thị Nhàn; và thửa số 67 diện tích 352m^2 đứng tên Nhà văn hóa thôn. Việc đổi đất phù hợp với lời khai của người làm chứng và hồ sơ địa chính của xã cũng như biên bản giao nhận khoán đất thầu (BL113) ngày 5/4/2003.

Theo bản đồ và sổ mục kê lập theo dự án VLAP 2015: Thửa đất số 404, TBĐ số 24, diện tích 969m^2, loại đất BKH đứng tên chủ sử dụng hộ Ông Trần Văn H. Giải trình về việc đứng tên hộ Ông Trần Văn H địa phương đã xác định là do sai sót trong quá trình kê khai, bởi lẽ: Ông H không có tiêu chuẩn ruộng tại địa phương vì là cán bộ thoát ly. Ông H cũng thừa nhận việc tự kê khai này và xác định thửa đất trên là tiêu chuẩn của hai cụ X Bơ do đổi đất từ thửa 149 mà có.

Như vậy, có căn cứ xác định, thửa đất số 404, TBĐ số 24 xã Phú Thịnh hiện đang tranh chấp có nguồn gốc là đất do tập thể lãnh đạo và Ban Kiến thiết đội 9 (nay là thôn Phú Cường), xã Phú Thịnh thỏa thuận đổi lấy diện tích đất tiêu chuẩn gia đình liệt sỹ của cụ Trần Văn X và Nguyễn Thị Bơ được chia tại thửa 149 để xây dựng nhà văn hóa thôn. Cho nên, thửa đất số 404, TBĐ số 24, thôn Phú Cường, xã Phú Thịnh được xác định là di sản thừa kế của cụ X và cụ B để lại.

[2.3]. Về việc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Anh Trần Văn B, Chị Trần Thị Mai H, Chị Trần Thị Hương C, Chị Trần Thị Vân A, Anh Trần Hải N(là các con của Ông Trần Văn H và bà An Thị L) cho rằng: thửa đất số

404, TBĐ số 24 là tài sản chung của bà An Thị L trong thời kỳ hôn nhân với Ông H, do bà L tự bỏ tiền ra mua thầu của thôn đội năm 2003 với giá 30.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định: Năm 2003, việc bà L nhận thầu của thôn đội 03 sào ruộng với giá 30.000.000 đồng theo "Biên bản giao nhận đất khoán thầu" ngày 05/4/2003 (BL65) là có thật. Thửa đất khoán thầu có chiều rộng 28,8m; chiều dài 37,5m. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và cung cấp của UBND xã Phú Thịnh thì 3 sào ruộng này nằm liền kề với 03 sào ruộng mà thôn đội đã đổi lấy diện tích đất tiêu chuẩn liệt sĩ của hai cụ X, Bơ để xây nhà văn hóa. Diện tích khoán thầu bà L đã chuyển nhượng hết cho các hộ gia đình sau: ông Nguyễn Văn Tiếp (thửa 405, diện tích 178m^2), ông Đỗ Văn Hà (thửa 406, diện tích 174m^2; thửa 407, diện tích 174m^2), Bà Trần Thị L (thửa 408, diện tích 176m^2), ông Trần Văn Sáng (thửa 409, diện tích 370m^2).

Vì vậy, căn cứ phân tích tại mục [2.2] và lập luận nêu trên, ý kiến trình bày của Anh B, Anh N, Chị H, Chị C, Chị VA là không được chấp nhận.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện và pháp luật áp dụng: Cụ X chết năm 1999, cụ B chết năm 2008. Ngày 13/12/2021, Ông H nộp đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Kim Động là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cụ X và cụ B chết đều không để lại di chúc, di sản thừa kế của 2 cụ để lại được chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Cụ X chết năm 1999 nên luật áp dụng là Bộ luật dân sự năm 1995; cụ B chết năm 2008 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005.

[4]. Về diện và hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế: Cụ X và cụ B có 7 người con đẻ là Bà Trần Thị Th1, Bà Trần Thị Th2, Ông Trần Văn Ph (hy sinh năm 1968), Bà Trần Thị Ng, Ông Trần Văn H, Bà Trần Thị D, Bà Trần Thị D. Hai cụ không có con nuôi hay con riêng nào khác. Ông Ph hy sinh năm 1968 chưa có vợ con. Do vậy, hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ được xác định là 6 người con chung còn lại.

Cụ X mất năm 1999, cụ B mất năm 2008. Do những người được hưởng thừa kế của hai cụ không có sự thay đổi nên chỉ cần mở thừa kế một lần vào thời điểm mất của cụ B mà vẫn bảo đảm quyền lợi cho các đồng thừa kế.

[5]. Đối với tài sản trên thửa đất:

Quá trình giải quyết vụ án, Ông H xác định số cây nhãn và tài sản xây dựng trên đất theo biên bản thẩm định tại chỗ là tài sản của Ông H, không phải di sản thừa kế của cụ X, cụ B. Các bị đơn có lời khai ban đầu xác định số cây nhãn trồng trên đất là do tất cả đại gia đình cùng trồng. Đến phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì các bị đơn thay đổi lời khai xác định do Ông H bỏ tiền ra thuê anh Âu trồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn lại không thừa nhận số cây nhãn trồng trên đất là của Ông H.

Nhận thấy, lời khai của bị đơn có nhiều mâu thuẫn, không thống nhất nên không có căn cứ chứng minh. Trong khi đó, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Bà Th1, Bà Th1, Bà D và người làm chứng là anh Âu đều xác định chính Ông H là người bỏ tiền ra mua cây nhãn giống và thuê anh trồng, chăm sóc, phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Cho nên, có căn cứ xác định số cây nhãn và công trình xây dựng trên đất là tài sản của Ông H. Ông H có quan điểm đề nghị Bà Ng, Bà Dkhi được phân chia đất thì phải thanh toán trả ông giá trị cây nhãn và công trình trên đất. Bà Ng, Bà Dkhông chấp nhận mà đề nghị buộc Ông H phải tự di dời, tháo dỡ tài sản. Xét thấy, số cây nhãn và tài sản công trình trên đất do Ông H trồng và xây dựng từ nhiều năm trước khi xảy ra tranh chấp. Bản thân Bà Ng, Bà Dbiết nhưng không có ý kiến phản đối nên cần buộc các bà phải thanh toán trả giá trị đối với phần tường bao trên phần đất được phân chia do là tài sản gắn liền với đất và không thể di dời được là phù hợp. Đối với số cây trồng của Ông H trên đất là tài sản có thể di dời mà vẫn bảo đảm được giá trị nên cần buộc Ông H có trách nhiệm tự di dời ra khỏi phần đất phân chia cho Bà Ng, bà Dung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Trần Văn B xác định không phải là người trồng cây nhưng có công chăm sóc cây, nếu Tòa án có căn cứ xác định số cây trồng là di sản thừa kế thì anh yêu cầu trả anh tiền công sức. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Anh B đã được giải thích về quyền yêu cầu độc lập nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không xuất trình được căn cứ chứng minh về công sức đã bỏ ra để chăm sóc số cây trồng trên đất nên cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

[6]. Về các chi phí liên quan đến thừa kế: Các đương sự không ai có yêu cầu về công nuôi dưỡng, chăm sóc và mai táng cụ X và cụ B, các cụ chết không để lại nghĩa vụ gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Thời điểm đổi đất cụ B vẫn còn sống. Bà L chết đột tử ngay sau thời điểm đổi đất năm 2003 và không trồng trọt, tôn tạo hay xây dựng công trình gì trên đất nên xác định không có công sức.

Sau khi cụ B chết năm 2008 thì Ông H là người đứng tên kê khai và quản lý di sản thừa kế. Tuy nhiên, Ông H tự nguyện không yêu cầu gì về công sức duy trì, bảo quản nên không xem xét giải quyết.

[7]. Như vậy, tổng giá trị di sản thừa kế của cụ X, cụ B là 1026,7m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 92.403.000 đồng. Những người được hưởng thừa kế của hai cụ gồm: Bà Trần Thị Th1, Bà Trần Thị Th2, Bà Trần Thị Ng, Ông Trần Văn H, Bà Trần Thị Dvà Bà Trần Thị D. Chia thừa kế theo pháp luật, mỗi kỷ phần được hưởng 15.400.500 đồng.

Do Bà Th1, Bà D, Ông H nhường lại kỷ phần thừa kế của mình cho Bà Th1 nên Bà Th1 được hưởng 15.400.500 đồng x 4 = 61.602.000 đồng. Bà Trần Thị Ng và Bà Trần Thị Dmỗi người được hưởng 15.400.500 đồng.

[8]. Phân chia di sản bằng hiện vật:

Xét thấy hiện vật là có thể phân chia. Trên cơ sở kỷ phần được hưởng và hiện trạng đất. Việc phân chia như sau:

- Chia cho Bà Trần Thị Ng và Bà Trần Thị Dmỗi người 171,11m^2 đất, trị giá 15.399.900đồng.

- Chia cho Bà Trần Thị Th684,48m^2 đất, trị giá 61.603.200đồng.

Trên phần đất Bà Th1 được chia: Giao cho Bà Th1 được quản lý, sử dụng số cây và tài sản do Ông H tạo lập gồm: 12 cây nhãn bị cắt cành đường kính 20cm, 09 cây nhãn bị cắt cành đường kính 15cm, 02 cây nhãn bị cắt cành, đường kính 10cm; 01 cây nhãn đường kính 13cm, 04 cây nhãn đường kính 15cm, 13 cây nhãn đường kính 20cm; 04 cây nhãn đường kính 25cm; tường ba vanh cao 1,8m, dài 73,95m, diện tích 133,11m^2; 01 cổng sắt cao 2,0m, diện tích 3,0m^2; 01 giếng khoan. Chấp nhận sự tự nguyện của Ông H không yêu cầu Bà Th1 phải thanh toán trả giá trị số tài sản này.

Giao cho Bà Ng được quản lý, sử dụng đoạn tường ba vanh diện tích 83,20m^2 do Ông H xây dựng. Bà Ng phải có trách nhiệm thanh toán trả Ông H giá trị tài sản là 16.640.000 đồng. Ông H có trách nhiệm tự di dời số cây trồng trên phần đất phân chia cho Bà Ng gồm: 02 cây nhãn đường kính 20cm, 06 cây nhãn đường kính 15cm, 03 cây nhãn đường kính 13cm.

Giao cho Bà Dđược quản lý, sử dụng đoạn tường ba vanh diện tích 16,70m^2 do Ông H xây dựng. Bà Dcó trách nhiệm thanh toán trả Ông H giá trị tài sản là 3.340.000 đồng. Ông H có trách nhiệm di dời số cây trồng trên phần đất phân chia cho Bà Dgồm: 04 cây nhãn đường kính 20cm, 04 cây nhãn đường kính 15cm, 02 cây nhãn đường kính 25cm, 01 cây nhãn bị cắt cành đường kính 10cm.

[9]. Về án phí sơ thẩm: Các đương sự đều là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được chấp nhận theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10]. Về án phí phúc thẩm: Anh B, Chị H, Chị C, Chị VA kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo của Anh N bị đình chỉ xét xử phúc thẩm nên tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Anh N được sung vào công quỹ nhà nước.

[11]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.900.000 đồng. Mỗi suất thừa kế phải chịu 817.000 đồng (làm tròn số). Ông H đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng. Ông H tự nguyện không yêu cầu Bà Th1 phải thanh toán trả lại số tiền chi phí tố tụng nên được chấp nhận. Buộc Bà Ng, Bà Dmỗi người phải hoàn trả Ông H số tiền 817.000 đồng. Số tiền tạm ứng thừa 100.000đ Ông H đã nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Anh Trần Hải N.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Anh Trần Văn B, Chị Trần Thị Mai H, Chị Trần Thị Hương C, Chị Trần Thị Vân A.

3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS – ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Văn B, Chị Trần Thị Mai H, Chị Trần Thị Hương C, Chị Trần Thị Vân A mỗi người phải chịu 300.000đ án phí. Đối trừ với số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu lần lượt số 2674, 2672, 2676, 2675 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Anh B, Chị H, Chị C, Chị VA đã nộp đủ.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ của Anh Trần Hải Ndo chị Dương Thị Quyên nộp thay theo biên lai thu số 2677 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động,

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện Kim Động;
- Chi cục THADS huyện Kim Động;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Thực